

Số: 31 /NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Phương hướng hoạt động Khoa học công nghệ
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ – CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ – CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ – BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết định số 02/NQ – HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 15/10/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này: “Phương hướng hoạt động Khoa học công nghệ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng giai đoạn 2021-2025” (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP HĐT;
- VP Đảng Ủy; TCCB; Văn thư.


TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. *Phạm Minh Khuê*

PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số **31** /NQ-HĐT-YDHP ngày **18** tháng **10** năm 20
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập đặt ra với cơ sở đào tạo đại học;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 29/9/2021 xin ý kiến góp ý của các cán bộ quản lý, giảng viên chính, giảng viên có trình độ Tiến sĩ trở lên, Tập thể lãnh đạo nhà trường và Ban chấp hành Đảng uỷ thống nhất một số phương hướng cụ thể:

1. Về đề tài đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và đề tài NCKH cấp trên cơ sở

(1) Thời gian triển khai đề tài là một năm song có thể xem xét kéo dài thời gian (lúc phê duyệt đề cương hay căn cứ trên báo cáo giải trình của chủ nhiệm đề tài). Do thời gian thực hiện ngắn, không yêu cầu báo cáo định kỳ trước nghiệm thu song chủ nhiệm đề tài cần có cập nhật về tiến độ hay giải trình về khó khăn vướng mắc;

(2) Khuyến khích người học (sinh viên, học viên) tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, khuyến khích (xem xét yêu cầu bắt buộc) đăng tải kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học chuyên ngành phù hợp, có phản biện;

(3) Quy định chủ nhiệm đề tài phải có mặt khi trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng nghiệm thu. Đánh giá nghiệm thu xếp Đạt/Không đạt, đồng thời Hội đồng nghiệm thu ghi nhận những đề tài tốt, có khả năng đề xuất thành đề tài cấp trên cơ sở;

(4) Duy trì chi hỗ trợ đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Hướng nhiều hơn tới các đề tài có định hướng ứng dụng. Mức hỗ trợ kinh phí cho đề tài cơ sở duy trì như đang thực hiện (theo trình độ của chủ nhiệm đề tài). Mở rộng loại hình đề tài cơ sở không đề nghị hỗ trợ kinh phí;

(5) Lưu trữ hồ sơ, sản phẩm đề tài cơ sở và thông tin quản lý cần được chủ động thiết lập căn cứ trên quy định, quy trình quản lý khoa học đảm bảo có thể báo cáo, truy xuất, khai thác nhanh chóng và hiệu quả khi có yêu cầu. Xây dựng quy định phối hợp công việc với Trung tâm thông tin thư viện;

(6) Đề tài cấp trên cơ sở (bộ/tỉnh/thành phố/nhánh quốc gia/quốc gia/quốc tế) cần hoàn thiện và ban hành công khai trên trang thông tin điện tử của trường các quy định, quy trình và các biểu mẫu. Hỗ trợ tốt các ban chủ nhiệm đề tài về các thủ tục hành chính, đăng ký sở hữu trí tuệ. Yêu cầu ban chủ nhiệm thực hiện đúng chế độ báo cáo, quản lý, lưu trữ. Quy định về chi phí quản lý. Có chế tài đối với các ban chủ nhiệm đề tài không thực hiện chế độ báo cáo, không hoàn thành nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao;

2. Về sáng kiến cải tiến

(1) Tách thành hoạt động riêng với hoạt động nghiên cứu khoa học;

(2) Quy trình quản lý không tổ chức xét duyệt ý tưởng, chỉ thông báo về chủ trương, đánh giá nghiệm thu, đăng ký sở hữu trí tuệ (khi có yêu cầu của tác giả);

(3) Hội đồng nghiệm thu đề xuất nhà trường hỗ trợ kinh phí thực hiện (từ nguồn kinh phí khen thưởng cho hoạt động khoa học công nghệ). Hội đồng nghiệm thu phải có các chuyên gia có chuyên môn phù hợp, đánh giá về tính ứng dụng, hiệu quả thực tế của sáng kiến;

3. Về nghiên cứu khoa học của người học

(1) Khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong đào tạo. Người học có thể sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học để báo cáo tốt nghiệp. Người hướng dẫn tốt nghiệp được tính giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

(2) Triển khai nhanh chóng các chính sách hỗ trợ đối với sinh viên NCKH (kinh phí, khen thưởng, điểm NCKH) và người hướng dẫn (giờ NCKH, khen thưởng); Công nhận 2 đề tài hướng dẫn sinh viên NCKH đã nghiệm thu được tính tương đương như 1 đề tài cơ sở cho người hướng dẫn;

(3) Xây dựng phương án hạn chế việc thầy hướng dẫn làm giúp sinh viên.

(4) Đưa học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học vào những năm đầu của chương trình đào tạo để sinh viên có thể tham gia sớm hơn hoạt động NCKH, tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo, hội nghị khoa học trẻ hướng tới người học.

(5) Phòng Quản lý khoa học cần nâng cao vai trò tư vấn, giám sát, quản lý các đề tài NCKH của sinh viên (sinh viên là người tiếp nhận kinh phí hỗ trợ, là người thực hiện chính các NCKH dưới sự hướng dẫn của giảng viên);

4. Về hỗ trợ thành lập và hoạt động các Nhóm nghiên cứu mạnh

(1) Thành lập 1 **Nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia** trong nhà trường và 5 **Nhóm nghiên cứu mạnh cấp trường** định hướng theo từng lĩnh vực và liên ngành căn cứ theo điều kiện và đặc điểm thực tế của các đơn vị trong trường. Phòng Quản lý khoa học có trách nhiệm hoàn thiện các quy định, hướng dẫn quy trình, đề xuất, thẩm định hồ sơ, hỗ trợ các thủ tục để thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định;

(2) Yêu cầu đối với trưởng nhóm và thành viên thực hiện theo quy định của nhà trường và cơ quan quản lý;

(3) Nhà trường chi hỗ trợ 440 triệu đồng trong 5 năm từ nguồn kinh phí dành cho các hoạt động khoa học công nghệ cho mỗi Nhóm nghiên cứu mạnh cấp trường;

(4) Mục tiêu sản phẩm phải đạt: Bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus (trong 3 năm đầu: 2 bài Q2 hoặc 1 bài Q2 và 2 bài Q3; 2 năm cuối: 1 bài Q1 hoặc 2 bài Q2).

5. Hỗ trợ công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín

(1) Nhằm khuyến khích các giảng viên trong triển khai các nghiên cứu có chất lượng và công bố quốc tế, nhà trường hỗ trợ kinh phí đăng báo quốc tế đối với Bài báo quốc tế thỏa mãn đồng thời các điều kiện: Có tên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, tác giả chính hay đồng tác giả là cán bộ cơ hữu của trường, chưa nhận kinh phí hỗ trợ theo phương thức hỗ trợ khác từ nhà trường, chi phí đăng báo không nằm trong dự toán ngân sách được hỗ trợ từ các nguồn khác, bài báo không là sản phẩm yêu cầu bắt buộc của nhiệm vụ khoa học được hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác. Phòng QLKH yêu cầu và hướng dẫn các cán bộ đang học nghiên cứu sinh ở nước ngoài khi được đứng tên là tác giả chính hay đồng tác giả của bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế để xin phép thầy hướng dẫn để ghi tên trường vào bài đăng.

(2) Hỗ trợ 1 lần/1 bài theo chất lượng khoa học và vai trò của (nhóm) tác giả với mức hỗ trợ chung cho tác giả chính và đồng tác giả căn cứ trên xếp loại trên các danh mục ISI/WoS với các mức: 40.000.000đ/bài (Q1); 30.000.000đ/bài (Q2); 20.000.000đ/bài (Q3); 10.000.000đ/bài (Q4); 5.000.000đ/bài (ESCI/Scopus/Pubmed); Mức hỗ trợ cho đồng tác giả bằng 2/3 tổng số tiền hỗ trợ chia cho số lượng đồng tác giả. Hỗ trợ kinh phí đồng hạng cho các bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus (mà không trong các danh mục ISI/WoS), ESCI (thuộc ISI/WoS) hoặc của Pubmed.

6. Khen thưởng đối với hoạt động khoa học công nghệ

(1) Khen thưởng cá nhân, tập thể tác giả của các đề tài, dự án, công trình, chương trình khoa học công nghệ xuất sắc;

(2) Công trình khoa học bao gồm: (1) Bài báo quốc tế; (2) Sở hữu trí tuệ (đăng ký độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích); (3) Sách, giáo trình, tài liệu dạy học.

(3) Mức thưởng theo quy định về Khen thưởng của Chính phủ (NĐ 91): 447.000đ/cá nhân (0,3 lần lương cơ sở); 894.000đ/tập thể (0,6 lần lương cơ sở);

7. Công tác quản lý khoa học

(1) Ban Giám hiệu thống nhất và chỉ đạo triển khai thực hiện phương hướng trên, đối chiếu các quy định hiện hành, hoàn thiện các quy định, quy trình và hướng dẫn được thông qua, phê duyệt và ban hành;

(2) Các chính sách khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ của trường cần có được quy định rõ. Sau khi Đảng ủy và Hội đồng trường thông qua về chủ trương, các khoản chi và mức chi cần được cập nhật trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường;

(3) Phòng QLKH xây dựng đầy đủ các quy trình, có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, quản lý và giải quyết mọi thủ tục liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ;

(4) Rà soát và báo cáo hàng năm hoạt động khoa học công nghệ của các khoa trong trường trong các hoạt động đề xuất và triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp, trong đó có các đề tài NCKH của học viên, sinh viên.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. Phạm Minh Khuê